| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN HẢI HẬU**<br>**TỈNH NAM ĐỊNH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - H phúc** |
| Bản án số: 237/2022/HNGĐ-ST<br>Ngày 28-11-2022<br>V/v ly hôn, nuôi con chung giữa chị H và anh Q | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Bà Nguyễn Thị Hằng.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Lưu Văn Đê;

Ông Đỗ Việt Hùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Thị Xuyến - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

Ngày 28 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 246/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn, nuôi con chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn**: Chị Trần Thị H, sinh năm 1986. Hộ khẩu thường trú: Xóm Nam Châu, xã Đ, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; nơi ở hiện nay: Xóm 8, xã L, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định; (vắng mặt có lý do).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Trần Thị H:* Bà Nguyễn Thị Sợi – Luật sư của Công ty Luật TNHH Vũ Trình, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Hà Nội.(có mặt).

**Bị đơn**: Anh Mai Văn Q, sinh năm 1984; địa chỉ: Xóm Nam Châu, xã Đ, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.( vắng mặt có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 04-11-2022 và bản tự khai ngày 10-11-2022, nguyên đơn chị Trần Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Mai Văn Q kết hôn với nhau ngày 22-05-2008 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định, trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống

cùng bố mẹ anh Q tại xóm Nam Châu, xã Đ, huyện Hải Hậu đến năm 2011 thì chuyển ra ở riêng. Năm 2018, do làm ăn thua lỗ nên vợ chồng đã bán đất nhà và chuyển về sống cùng nhà bố mẹ đẻ chị H tại xóm 8, xã L, huyện Hải Hậu. Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, do tính tình không hợp và bất đồng quan điểm nên liên tục cãi chửi nhau. Do đó, vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Nay chị H xét thấy tình cảm của chị đối với anh Q không còn nên làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn anh Q.

Về con chung: Vợ chồng có bốn con chung là Mai Thị Kim Ngân, sinh ngày 26-02-2010; Mai Tấn Dũng, sinh ngày 11-01-2011; Mai Đức Mạnh, sinh ngày 11-10-2013 và Mai Chí Đức, sinh ngày 31-10-2020. Hiện nay các con đang ở cùng chị H và gia đình bên ngoại. Khi ly hôn, chị H có nguyện vọng tiếp tục nhận nuôi bốn con chung và không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Chị H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung; về nghĩa vụ tài sản chung tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Mai Văn Q có lời khai phù hợp với lời khai của chị H về thời gian vợ chồng kết hôn, chung sống. Theo anh Q, nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn là về mặt tình cảm, do chị H thường xuyên chơi bời với bạn khác giới, anh Q đã động viên, khuyên bảo chị H nhiều lần nhưng chị không nghe. Đến tháng 5/2019, anh Q vào tỉnh Bình Dương làm ăn, sau đó thỉnh thoảng anh vẫn về quê thăm vợ con, đến tháng 5/2022 thì vợ chồng mâu thuẫn căng thẳng hơn và mới chính thức sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị H làm đơn xin ly hôn, anh Q không nhất trí ly hôn vì anh nhận thấy vẫn còn tình cảm với chị H, mặt khác, vợ chồng đều theo đạo công giáo nên không được phép ly hôn.

Về con chung: Anh Q có lời khai thống nhất với chị H về con chung. Hiện nay bốn con đang ở cùng chị H và gia đình bên ngoại. Các con hiện đang ở cùng nhau, anh Q cũng không muốn các con bị tách ra và anh cũng còn phải đi làm xa. Do đó, trường hợp chị H cương quyết xin ly hôn thì anh Q nhất trí để bốn con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị H không  yêu cầu cấp dưỡng thì anh Q cũng nhất trí, anh sẽ tự nguyện cho con khi có điều kiện.

Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung: Anh Q có lời khai thống nhất với lời khai của chị H, vợ chồng không có tài sản chung; về nghĩa vụ tài sản chung tự thỏa thuận với nhau nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Trần Thị H – Luật sư Nguyễn Thị Sợi tại phiên tòa trình bày thống nhất với lời khai của chị H ở trên, không bổ sung gì thêm. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn và đề nghị nuôi con chung của chị H.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Chị Trần Thị H và anh Mai Văn Q đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt chị H, anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Quan hệ vợ chồng giữa chị chị Trần Thị H và anh Mai Văn Q là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì được xây dựng trên cơ sở tự nguyện và được Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đăng ký kết hôn ngày 22-05-2008. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị H đối với anh Mai Văn Q thì thấy: Mặc dù anh Q không nhất trí ly hôn nhưng xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh Q là xuất phát từ tính cách, quan điểm sống của hai người không hợp, không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra tranh cãi. Mặt khác, theo anh Q thì vợ chồng còn mâu thuẫn về mặt tình cảm, do chị H thường xuyên chơi với bạn khác giới làm anh Q không tin tưởng ở chị. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, bản thân chị H, anh Q đều không có biện pháp, hành động thiết thực nhằm hàn gắn tình cảm nên vợ chồng ngày càng xa cách. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H đối với anh Q là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] *Về con chung:* Vợ chồng có bốn con chung là Mai Thị Kim Ngân, sinh ngày 26-02-2010; Mai Tấn Dũng, sinh ngày 11-01-2011; Mai Đức Mạnh, sinh ngày 11-10-2013 và Mai Chí Đức, sinh ngày 31-10-2020, hiện nay các con đang ở cùng chị H. Khi ly hôn, chị H đề nghị tiếp tục nuôi bốn con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, anh Q nhất trí. Xét điều kiện hoàn cảnh hiện nay và ý kiến của chị H, anh Q cũng như nguyện vọng của các con chung thì thấy: Từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay, các con do chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cháu Ngân, cháu Dũng và cháu Mạnh đều có nguyện vọng ở cùng chị H. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q cũng nhận thấy do hiện nay các con đang ở cùng nhau, ổn định cuộc sống và anh cũng thường xuyên phải đi làm xa nên nhất trí để bốn con chung cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Do đó, cần chấp nhận đề nghị xin được nuôi các con chung, tiếp tục giao cháu Mai Thị Kim Ngân, Mai Tấn Dũng, Mai Đức Mạnh, và Mai Chí Đức cho chị H nuôi dưỡng và không buộc anh Q cấp dưỡng nuôi con cho chị H là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

[5] *Về tài sản và nghĩa vụ tài sản chung*: Chị H, anh Q xác nhận không có tài sản chung; về nghĩa vụ tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Chị Trần Thị H phải nộp tiền án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Mai Văn Q.

2. Về con chung: Giao bốn con chung là Mai Thị Kim Ngân, sinh ngày 26-02-2010; Mai Tấn Dũng, sinh ngày 11-01-2011; Mai Đức Mạnh, sinh ngày 11-10-2013 và Mai Chí Đức, sinh ngày 31-10-2020 cho chị Trần Thị H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Mai Văn Q không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị H. Hai bên có mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án: Chị Trần Thị H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tại biên lai số 0006418 ngày 10-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- Đương sự;
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hằng**